ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24 /2015/QĐ-UBND	*Tiền Giang, ngày 07 tháng 1 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế bán đấu giá tài sản nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định 115/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định việc quản lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước bán đấu giá và chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 23/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 173/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, sử dụng tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 159/2014/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bán đấu giá tài sản nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ TP, Bộ TC;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- Website CP;
- BCĐTNB, BTLQK9;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Website tỉnh;
- P.NCTH, NC;
- Lưu: VT, (D).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Kim Mai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Bán đấu giá tài sản Nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24 /2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định việc bán đấu giá tài sản nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động bán đấu giá tài sản nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Quy chế này không áp dụng đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất, ngoại trừ tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy chế này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có tài sản bán đấu giá (gọi chung là người có tài sản bán đấu giá);

2. Tổ chức, doanh nghiệp có chức năng bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản trong trường hợp đặc biệt (gọi chung là tổ chức bán đấu giá);

3. Tổ chức, cá nhân mua tài sản bán đấu giá (gọi chung là người mua tài sản);

4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Các trường hợp bán đấu giá tài sản nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

1. Bán đấu giá để bán tài sản nhà nước theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Bán đấu giá để thanh lý tài sản nhà nước theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Bán đấu giá để xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 18, điểm đ khoản 2 Điều 23, Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 33, điểm c khoản 1 Điều 34, Điều 35 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 4. Tài sản bán đấu giá

1. Tài sản Nhà nước theo quy định tại Điều 1 Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, gồm: trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất; quyền sử dụng đất đối với đất dùng để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự

nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; máy móc, phương tiện vận tải, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác do pháp luật quy định.

2. Tài sản thuộc đối tượng xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP của Chính phủ, gồm:

a) Tài sản bị tịch thu theo quy định của pháp luật:

- Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu;

- Vật chứng vụ án, một phần hoặc toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự và tố tụng hình sự.

b) Tài sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm, di sản không người thừa kế, hàng hóa tồn đọng trong khu vực giám sát hải quan được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước:

- Bất động sản vô chủ hoặc không xác định được chủ sở hữu được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

- Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên không xác định được chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu không đến nhận được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

- Tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được phát hiện hoặc tìm thấy thuộc đất liền, các hải đảo và vùng biển Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán mà tại thời điểm phát hiện hoặc tìm thấy không có hoặc không xác định được chủ sở hữu theo quy định của pháp luật;

- Tài sản là di sản không có người thừa kế theo di chúc, theo pháp luật hoặc có người thừa kế nhưng người đó không được quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

- Tài sản là hàng hoá tồn đọng trong khu vực giám sát hải quan tại cảng biển, cảng hàng không, kho ngoại quan, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính không có người đến nhận.

c) Tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước bao gồm: tài sản do tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, biếu, tặng cho, đóng góp, viện trợ, tài trợ và các hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác cho Nhà nước Việt Nam.

d) Tài sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà nhà đầu tư nước ngoài đã cam kết chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

Điều 5. Tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

1. Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản, Doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề có kinh doanh dịch vụ bán đấu giá tài sản (sau đây gọi chung là Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp).

2. Hội đồng đấu giá tài sản.

Điều 6. Hội đồng bán đấu giá tài sản

1. Đối với tài sản nhà nước: trường hợp đặc biệt do tài sản có giá trị lớn, phức tạp hoặc không thuê được tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản thì

thành lập Hội đồng để bán đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 245/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước: trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp, cơ quan, đơn vị chủ trì, quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước quy định tại Điều 5 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản.

3. Thành phần, trình tự, thủ tục bán đấu giá của Hội đồng bán đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 7. Đối tượng được tham gia đấu giá

Là cá nhân, đại diện tổ chức có đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Đối tượng không được tham gia đấu giá

Những người không được tham gia đấu giá tài sản theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ thì không được tham gia đấu giá theo Quy chế này.

Chương II.
QUY ĐỊNH VỀ CHUYỂN GIAO, BẢO QUẢN, BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Điều 9. Xác định giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá

1. Đối với tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 137/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính và nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc đối tượng sắp xếp lại quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 137/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính, giá khởi điểm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (nơi có nhà, đất) quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Đối với tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được phát hiện hoặc tìm thấy thuộc đất liền, các hải đảo và vùng biển Việt Nam, giá khởi điểm do người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm quyết định.

3. Đối với các tài sản nhà nước không thuộc phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, thẩm quyền quyết định giá khởi điểm được quy định như sau:

a) Đối với tài sản nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch quyết định bán đấu giá thì giá khởi điểm do Thủ trưởng cơ quan tài chính nhà nước cùng cấp (Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch) quyết định;

b) Đối với tài sản nhà nước do thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định bán đấu giá theo phân cấp của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và quy định của pháp luật thì giá khởi điểm do thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đó quyết định.

4. Cơ quan có thẩm quyền quyết định giá khởi điểm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được thành lập Hội đồng định giá tài sản hoặc giao cho đơn vị có tài sản bán đấu giá thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá để xác định giá trước khi quyết định.

5. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước thì giá khởi điểm để bán đấu giá theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 173/2013/TT-BTC của Bộ Tài chín.

6. Việc xác định giá khởi điểm và tổ chức bán đấu giá tài sản thanh lý thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định 52/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 10. Hợp đồng bán đấu giá tài sản

1. Hợp đồng bán đấu giá tài sản được ký kết giữa tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản bán đấu giá (trong trường hợp không thành lập Hội đồng bán đấu giá).

2. Hợp đồng bán đấu giá tài sản phải được lập thành văn bản và có các nội dung chính sau đây:

a) Họ, tên, địa chỉ của người có tài sản bán đấu giá; tên, địa chỉ của tổ chức bán đấu giá tài sản;

b) Liệt kê, mô tả tài sản bán đấu giá;

c) Giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá;

d) Thời hạn, địa điểm bán đấu giá tài sản;

đ) Thời hạn, địa điểm, phương thức giao tài sản để bán đấu giá;

e) Thời hạn, địa điểm, phương thức thanh toán tiền bán tài sản trong trường hợp bán đấu giá thành;

g) Phí, chi phí bán đấu giá tài sản trong trường hợp bán đấu giá thành và chi phí bán đấu giá tài sản trong trường hợp bán đấu giá không thành;

h) Quyền, nghĩa vụ của các bên;

i) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;

k) Các nội dung khác do các bên thoả thuận.

Điều 11. Thẩm quyền ký kết hợp đồng bán đấu giá tài sản

1. Tài sản nhà nước: cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp (nếu có nhiều tổ chức bán đấu giá thì phải thực hiện đấu thầu) và tổ chức ký kết hợp đồng để bán đấu giá tài sản.

2. Tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước: cơ quan, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Điều 5 Nghị định số 29/2014/NĐ-CP của Chính phủ ký kết hợp đồng với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để bán đấu giá tài sản.

Điều 12. Hồ sơ chuyển giao để bán đấu giá tài sản

1. Tài sản nhà nước

a) Bán tài sản nhà nước:

Trong thời hạn quy định tại Điều 21 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP của Chính phủ, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, đơn vị có tài sản bán đấu

giá chuyển giao hồ sơ cho tổ chức bán đấu giá để bán đấu giá theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và pháp luật về bán đấu giá.

Hồ sơ chuyển giao cho tổ chức bán đấu giá gồm: biên bản chuyển giao; văn bản bán tài sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản xác định giá khởi điểm của tài sản; các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan đến tài sản bán đấu giá.

b) Thanh lý tài sản nhà nước:

Trường hợp thanh lý tài sản nhà nước, hồ sơ chuyển giao cho tổ chức bán đấu giá gồm: biên bản chuyển giao; văn bản thanh lý tài sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản xác định giá khởi điểm của tài sản; các loại giấy tờ, tài liệu khác có liên quan đến tài sản thanh lý.

2. Tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

a) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu:

Cơ quan đã ra quyết định tịch thu (hoặc đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản) khi tiến hành chuyển giao tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải gửi kèm hồ sơ chuyển giao tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu cho tổ chức bán đấu giá.

Hồ sơ chuyển giao gồm: biên bản chuyển giao; quyết định tịch thu tang vật, phương tiện; các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp (nếu có); văn bản định giá tang vật, phương tiện hoặc hóa đơn, chứng từ khác thể hiện giá trị của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu.

b) Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu:

Đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu, hồ sơ chuyển giao gồm: Biên bản chuyển giao; bản sao bản án, quyết định của Tòa án; bản sao quyết định thi hành án; văn bản xác định giá khởi điểm của tài sản; các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan đến tài sản.

c) Tài sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, bị chôn giấu, bị chìm đắm, di sản không người thừa kế, hàng hóa tồn đọng được xác lập quyền sở hữu nhà nước, tài sản do các tổ chức, cá nhân nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước:

Hồ sơ chuyển giao gồm: biên bản chuyển giao; văn bản bán tài sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản xác định giá khởi điểm của tài sản; các loại giấy tờ, tài liệu khác có liên quan đến tài sản.

Điều 13. Chuyển giao, bảo quản tài sản bán đấu giá

1. Đối với tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính:

Việc chuyển giao, bảo quản tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu để bán đấu giá được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ, như sau:

Sau khi đã ký hợp đồng bán đấu giá tài sản, cơ quan đã ra quyết định tịch thu (hoặc đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản) tiến hành chuyển giao tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và lập biên bản chuyển giao. Biên bản phải ghi rõ ngày, tháng, năm chuyển giao; người chuyển giao; người nhận chuyển giao; chữ ký có đóng dấu (nếu có) của người chuyển giao, người nhận chuyển giao; số

lượng, tình trạng tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu; trách nhiệm bảo quản tang vật, phương tiện bị tịch thu để bán đấu giá.

Trong trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu là hàng hóa cồng kềnh hoặc có số lượng lớn, thì tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp đã được thuê bán đấu giá tiếp tục ký hợp đồng bảo quản tài sản với nơi đang giữ tang vật, phương tiện đó.

Chi phí lưu kho, phí bến bãi, phí bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, phí bán đấu giá và chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật được trừ vào tiền bán tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu.

2. Đối với tài sản nhà nước theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thì cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm quản lý, bảo quản tài sản cho đến khi bàn giao tài sản cho người mua tài sản.

3. Đối với tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, tài sản thu hồi từ các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước khi dự án kết thúc hoạt động, tài sản xác lập quyền sở hữu nhà nước, được thực hiện theo Thông tư số 159/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

4. Đối với các loại tài sản quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản bán đấu giá giao cho tổ chức bán đấu giá bảo quản thì tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm bảo quản tài sản đó cho đến khi bàn giao tài sản cho người mua tài sản, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Chi phí lưu kho, phí bến bãi, phí bảo quản, phí bán đấu giá và chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật được thanh toán từ số tiền thu được sau khi bán đấu giá tài sản.

Điều 14. Đăng ký tham gia đấu giá

1. Các đối tượng quy định tại Điều 7 của Quy chế này được đăng ký tham gia đấu giá tài sản nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Người đăng ký tham gia đấu giá không trực tiếp tham gia đấu giá có thể ủy quyền cho người khác thay mình tham gia cuộc đấu giá. Việc ủy quyền được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Người tham gia đấu giá phải nộp khoản tiền đặt trước trong thời hạn đăng ký tham gia đấu giá và phí tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trình tự, thủ tục bán đấu giá

Trình tự, thủ tục tổ chức bán đấu giá thực hiện theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

Riêng đối với việc thông báo bán đấu giá tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, quyền sử dụng đất, xe ô tô các loại và tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản thì ngoài việc thực hiện thông báo theo quy định của pháp luật về bán đấu giá còn phải thực hiện đăng tải trên Trang điện tử về tài sản nhà nước của Bộ Tài chính và Trang điện tử của Bộ, cơ quan trung ương (nếu có) đối với tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung

ương quản lý; Trang điện tử của địa phương (nếu có) đối với tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

Điều 16. Rút lại giá đã trả

Việc rút lại giá đã trả được thực hiện theo Điều 38 Nghị định 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ, như sau:

Tại cuộc bán đấu giá tài sản, người đã trả giá cao nhất mà rút lại giá đã trả trước khi đấu giá viên điều hành cuộc bán đấu giá công bố người mua được tài sản thì cuộc bán đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả giá liền kề trước đó. Trong trường hợp không có người trả giá tiếp thì cuộc bán đấu giá coi như không thành.

Người rút lại giá đã trả bị truất quyền tham gia trả giá tiếp và không được hoàn trả khoản tiền đặt trước. Khoản tiền đặt trước của người rút lại giá đã trả thuộc về tổ chức bán đấu giá tài sản.

Điều 17. Từ chối mua tài sản bán đấu giá

Việc từ chối mua tài sản được thực hiện theo Điều 39 Nghị định 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ, như sau:

1. Tại cuộc bán đấu giá, khi đấu giá viên điều hành cuộc bán đấu giá tài sản đã công bố người mua được tài sản bán đấu giá mà người này từ chối mua thì tài sản được bán cho người trả giá liền kề nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối mua.

Đối với cuộc đấu giá bằng hình thức bỏ phiếu, trong trường hợp từ chối mua nêu trên mà có từ hai người trở lên cùng trả giá liền kề, nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối mua thì tài sản được bán cho một trong hai người trả giá liền kề đó, sau khi đấu giá viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người mua được tài sản bán đấu giá.

Trong trường hợp giá liền kề cộng với khoản tiền đặt trước nhỏ hơn giá đã trả của người từ chối mua thì cuộc bán đấu giá coi như không thành.

2. Trong trường hợp người trả giá liền kề không đồng ý mua thì cuộc bán đấu giá coi như không thành.

3. Khoản tiền đặt trước của người từ chối mua theo quy định tại khoản 1 Điều này thuộc về cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản bán đấu giá.

Điều 18. Bán đấu giá tài sản trong trường hợp chỉ có một người tham gia đấu giá

Trong trường hợp đã hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá tài sản mà chỉ có một người đăng ký mua tài sản bán đấu giá hoặc có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham gia cuộc bán đấu giá và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm thì tài sản được bán cho người đó theo quy định của pháp luật.

Việc bán tài sản trong trường hợp này chỉ được tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ việc niêm yết, thông báo công khai, trưng bày tài sản và không có khiếu nại liên quan đến trình tự, thủ tục cho đến khi quyết định bán tài sản.

Điều 19. Giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá

Tài sản bán đấu giá giao cho người mua được tài sản bán đấu giá sau khi người mua được tài sản bán đấu giá nộp đủ tiền mua tài sản. Thời hạn, địa điểm giao tài sản đã bán đấu giá do tổ chức bán đấu giá tài sản và người mua được tài sản bán đấu giá thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá và phải phù hợp với hợp đồng bán đấu giá tài sản, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 20. Trả lại tài sản trong trường hợp bán đấu giá không thành hoặc không có người đăng ký tham gia đấu giá

Trường hợp bán đấu giá không thành hoặc không có người đăng ký tham gia đấu giá trong thời gian thông báo công khai theo quy định, thì tổ chức bán đấu giá tài sản ra thông báo bằng văn bản trả lại tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản bán đấu giá trong thời hạn chậm nhất là ba ngày làm việc, kể từ ngày bán đấu giá tài sản không thành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 21. Thanh toán tiền bán tài sản trong trường hợp bán đấu giá thành

1. Việc thanh toán tiền bán tài sản, thời hạn thanh toán, phương thức thanh toán, địa điểm thanh toán trong trường hợp bán đấu giá thành do cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền và tổ chức bán đấu giá thỏa thuận trong hợp đồng bán đấu giá tài sản, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Đối với tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước, trong trường hợp bán đấu giá thành, việc thanh toán tiền thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Nếu người mua được tài sản bán đấu giá vi phạm thời hạn thanh toán theo quy định của pháp luật mà không có lý do chính đáng thì coi như từ chối mua tài sản.

Điều 22. Xử lý tiền đặt trước và phí tham gia đấu giá

1. Việc xử lý tiền đặt trước được thực hiện theo quy định tại Nghị định 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Phí tham gia đấu giá không được trả lại cho người đăng ký tham gia đấu giá, trừ trường hợp cuộc bán đấu giá không tổ chức được.

Điều 23. Huỷ kết quả bán đấu giá tài sản

Việc hủy kết quả bán đấu giá tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ, như sau:

1. Kết quả bán đấu giá tài sản bị hủy trong các trường hợp sau đây :

a) Do thoả thuận giữa người có tài sản bán đấu giá, người mua được tài sản bán đấu giá và tổ chức bán đấu giá tài sản, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; đối với tài sản thi hành án, thì còn phải có thoả thuận của người phải thi hành án;

b) Hợp đồng bán đấu giá tài sản, hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá bị Toà án tuyên bố vô hiệu hoặc bị huỷ theo quy định của pháp luật dân sự;

c) Kết quả bán đấu giá tài sản bị huỷ theo quyết định của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo quy định tại khoản 3 Điều 56 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trong trường hợp kết quả bán đấu giá tài sản bị huỷ theo quy định tại Điều này thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau tài sản đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật, thì phải trả bằng tiền. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Thanh toán phí, chi phí bán đấu giá tài sản

1. Đối với Hội đồng bán đấu giá tài sản

Chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá thực hiện theo quy định tại Chương III Thông tư số 137/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Đối với Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp

Việc thanh toán phí, chi phí bán đấu giá tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương III.
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ THẨM QUYỀN TRONG HOẠT ĐỘNG BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Điều 25. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác bán đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 23/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

2. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn thực hiện thống nhất việc tổ chức bán đấu giá tài sản theo quy định của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Quy chế này.

3. Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Tư pháp và trước pháp luật về việc thực hiện công tác bán đấu giá tài sản của Trung tâm;

b) Ban hành Quy chế bán đấu giá tài sản của Trung tâm phù hợp với quy định của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Quy chế này;

c) Tiếp nhận tài sản, hồ sơ chuyển giao và các loại giấy tờ có liên quan của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Điều 12, Điều 13 của Quy chế này để bán đấu giá theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản;

đ) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị giao tài sản cho khách hàng mua tài sản đúng với số lượng, chủng loại, chất lượng tài sản bán đấu giá;

e) Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền về công tác bán đấu giá tài sản;

g) Giải quyết khiếu nại về hoạt động bán đấu giá của Trung tâm theo thẩm quyền;

h) Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xác định giá khởi điểm của tài sản trước khi chuyển giao cho tổ chức bán đấu giá tài sản để bán đấu giá theo quy định của pháp luật.

2. Tham dự các cuộc bán đấu giá do Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá, doanh nghiệp bán đấu giá, Hội đồng bán đấu giá tài sản thực hiện.

3. Thanh toán cho các cơ quan có liên quan các chi phí quản lý, bảo quản, bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật.

4. Quản lý tiền thu được từ việc bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 27. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền quản lý, xử lý, bảo quản tài sản bán đấu giá

1. Quản lý, xử lý, bảo quản tài sản bán đấu giá theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc quản lý, xử lý, giao tài sản cho người mua tài sản đúng với số lượng, chất lượng, chủng loại tài sản bán đấu giá theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Trách nhiệm của tổ chức bán đấu giá tài sản

Tổ chức bán đấu giá tài sản có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản, pháp luật có liên quan và Quy chế này trong công tác bán đấu giá tài sản.

Điều 29. Các cơ quan đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản

1. Căn cứ vào các giấy tờ hợp lệ của từng loại tài sản theo quy định của pháp luật, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá theo quy định.

2. Thời hạn cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đã bán đấu giá thực hiện theo quy định pháp luật đối với tài sản đó.

Điều 30. Trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp với tổ chức bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản trong công tác bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Kim Mai